

Bản án số: **86/2024/HNGĐ - ST**
Ngày: 06- 9- 2024
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Huệ
2. Bà Lê Thị Thận

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Chang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Thanh Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 09/2024/TLST- HNGĐ, ngày 19 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2024/QĐXX - ST ngày 22 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị P, sinh năm 1989 (Có mặt)

Địa chỉ: Khu phố A, phường C, thành phố D, tỉnh Bình Phước

- Bị đơn: Anh Lê Hùng V, sinh năm 1997 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 5, xã Đường E, huyện G, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị P và anh Lê Hùng V tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau từ năm 2010, nhưng đến năm 2018 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố D, tỉnh Bình Phước vào ngày 12/10/2018. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không cùng tiếng nói chung trong việc làm ăn và nuôi dạy con cái dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên và đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay, chị P nhận thấy mâu thuẫn ngày một trầm trọng, đời sống hôn nhân

không thể kéo dài, do đó yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh V để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị P và anh V có 02 người con chung là cháu Lê Hùng A, sinh ngày 07/11/2013 và cháu Lê Anh T, sinh ngày 16/01/2019. Khi ly hôn chị P có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng các con chung cho đến khi các cháu thành niên; không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị P xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Hùng V không có mặt tại phương, mặc dù Tòa án tiến hành thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết theo quy định nhưng anh V vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời khai.

Tại phiên tòa bị đơn anh V vắng mặt không có lý do; nguyên đơn chị Bùi Thị P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng có quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng theo đúng quy định pháp luật.

Đối với sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng và thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo đúng quy định tại Điều 180 của Bộ Luật tố tụng dân sự nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do nên đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Bùi Thị P; về con chung giao cháu Lê Hùng A, sinh ngày 07/11/2013 và cháu Lê Anh T, sinh ngày 16/01/2019 cho chị Bùi Thị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; không đặt ra vấn đề cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

Về án phí sơ thẩm nguyên đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Phần thủ tục tố tụng:

[1] Theo đơn khởi kiện của chị Bùi Thị P thì chị P yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Lê Hùng V. Hiện nay bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã Đường E, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Hội đồng xét xử thấy tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn thuộc lĩnh vực hôn nhân gia đình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng.

[2] Đối với việc vắng mặt của anh Lê Hùng V: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh anh Lê Hùng V đã bỏ đi khỏi địa phương nên đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng và thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo đúng quy định tại Điều 180 của Bộ Luật tố tụng dân sự. Tuy

nhân anh V vẫn vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị P và anh V tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn năm 2018 tại Ủy ban nhân dân phường Tân Thiện, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. Điều này phù hợp với bản chính Giấy chứng nhận kết hôn số 93/2018 ngày 12/10/2018 của Ủy ban nhân dân phường C, thành phố D, tỉnh Bình Phước đã được chị P cung cấp. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh V là hợp pháp.

[4] Về mâu thuẫn gia đình: Theo trình bày của chị P thì trong thời gian chung sống chị P và anh V phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vã nên đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Tại phiên tòa chị P xác định không còn tình cảm với anh V nên vẫn cương quyết muốn ly hôn. Do đó, có cơ sở xác định mâu thuẫn gia đình giữa chị P với anh V là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P.

[5] Về con chung: Chị P và anh V có 02 người con chung là cháu Lê Hùng A, sinh ngày 07/11/2013 và cháu Lê Anh T, sinh ngày 16/01/2019. Xét thấy từ khi sống ly thân thì cháu Hùng A và cháu T do chị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy hiện nay, không biết anh V đang sinh sống ở đâu nên để đảm bảo cuộc sống và việc học tập của các cháu cần chấp nhận yêu cầu của chị P, giao cháu A và cháu T cho chị P nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự buộc nguyên đơn chị P phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo luật định.

[8] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị P về việc ly hôn. Chị P được ly hôn với anh Lê Hùng V.

2. Về con chung: Giao Lê Hùng A, sinh ngày 07/11/2013 và cháu Lê Anh T, sinh ngày 16/01/2019 cho chị Bùi Thị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi;

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi

dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu toà án giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí: Nguyên đơn chị P phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp trước là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0009024 ngày 19/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- Chi cục THADS huyện Bù Đăng;
- UBND xã, phường, thị trấn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Đào